

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/LĐST
Ngày: 19/7/2019
V/v: “Tranh chấp tiền lương
theo hợp đồng lao động”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - BÌNH THUẬN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang
2. Ông Nguyễn Trọng Di

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quý,
Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 03/2018/TLST-LĐ, ngày 21/12/2018, về việc:
“Tranh chấp tiền lương theo hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
01/2019/QĐXX ngày 20/6/2019, giữa các đương sự

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn M**, sinh năm 1956

Địa chỉ: số 152 thôn Vĩnh Tiến, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Người lao động)

- **Bị đơn:** Ông **Châu Minh T**, sinh năm 1971, Giám đốc - Công ty TNHH Bảo vệ -
Vệ sỹ Bình Võ T,

Địa chỉ: số 310 thôn Vĩnh Tiến, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận (Người sử dụng
lao động)

Người làm chứng:

1. Ông Mai Trường G, sinh năm 1970; Chỉ huy trưởng tại khu công nghiệp T; địa
chỉ tạm trú: khu công nghiệp T, thuộc xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận

2. Ông Phạm Kim T, sinh năm 1970; Quản lý tại khu công nghiệp T; địa chỉ tạm
trú: khu công nghiệp T, thuộc xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Ông Đỗ Minh P, sinh năm 1993; lái xe tại khu công nghiệp T; địa chỉ tạm trú:
khu công nghiệp T, thuộc xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

4. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1963; bảo vệ tại khu công nghiệp T địa chỉ: xóm 2,
thôn Lân Lộc 1, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

5. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; bảo vệ tại khu công nghiệp T; địa chỉ: khu
phố 12, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện gửi Đến Tòa án ngày 20/12/2018 và trong quá trình giải
quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn M trình bày:**

Ngày 13/6/2017 ông Châu Minh T nhận ông vào làm bảo vệ cho Khu công nghiệp T, với mức lương 5.000.000đồng/tháng, lúc này chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có ký kết hợp đồng lao động.

Đến ngày 03/10/2017 thì ông T và ông mới ký kết hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ, với nội dung, hợp đồng không ghi thời hạn, công việc là làm bảo vệ tại công trình Khu công nghiệp T, với mức lương chính là 5.000.000 đồng/tháng, được trả lương vào ngày 01 Đến ngày 06 hàng tháng.

Ông T có trang bị cho ông 01 bộ đồ bảo vệ gồm: quần áo và mũ, khi giao thì không làm giấy tờ giao nhận.

Trong suốt thời gian ông làm bảo vệ, thời gian trước khi ký hợp đồng, ông T trả lương cho ông đầy đủ đúng thời gian, việc trả và nhận tiền lương do tin tưởng nhau nên không có ký bằng lương hoặc giấy tờ gì khi giao nhận tiền, nhưng kể từ khi ký hợp đồng, ông T không thực hiện việc trả lương tháng cho ông theo thời gian đã định trong hợp đồng. Ông đã nhiều lần gặp ông T yêu cầu thanh toán tiền lương, nhưng ông T tìm mọi lý do để hứa hẹn.

Ngày 16/02/2018 ông Đến nhà ông T, ông T tạm trả cho ông 3.000.000đ, nói vì ông phải đi Bình Định gấp để lo đám tang cho mẹ vợ ông, khi trả tiền cho ông không có làm giấy tờ gì giao nhận tiền.

Ngày 28/3/2018 ông yêu cầu ông T phải thanh toán toàn bộ số tiền lương cho ông, nhưng ông T không thanh toán, nên ông báo với ông T, nếu ông không thanh toán tiền lương thì Đến ngày 10/4/2018 ông nghỉ việc.

Ngày 04/4/2018 ông gặp ông T, yêu cầu ông T thanh toán tiền lương cho ông, ông T nói “ anh cứ đem quần áo mũ Đến đây tôi giải quyết cho”

Ngày 11/4/2018 ông đem toàn bộ quần áo mũ Đến nhà trả lại cho ông T, khi ông nhận thì không có làm biên bản giao nhận, nên khi trả thì cũng không làm giấy tờ gì trả lại, sau khi nhận trang phục xong ông T, gọi điện thoại xong và nói giám đốc Công ty khu công nghiệp đã đi Campuchia, khi nào về ông lấy tiền để thanh toán lương cho ông, nhưng kể từ đó Đến nay ông T vẫn không trả tiền lương cho ông.

Như vậy tổng số tiền lương của công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T còn nợ của ông là 05 tháng 07 ngày (từ 03/10/2017 Đến 10/4/2018) (25.000.000đ + 1.166.000đ = 26.166.000đồng) được trừ 3.000.000 đồng trả trước, còn lại 23.166.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông Châu Minh T - Giám đốc Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T, phải có nghĩa vụ trả cho ông toàn bộ số tiền lương còn nợ là 23.166.000 đồng, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Châu Minh T trình bày:

Vào năm 2017 ông có nhận ông Nguyễn M vào làm bảo vệ cho Khu công nghiệp T, với mức lương 5.000.000đồng/tháng, lúc này không có ký kết hợp đồng lao động. Ông M làm được khoảng 05, 06 tháng thì Phòng Lao động - Thương binh xã hội và Bảo hiểm xã hội huyện T, có thông báo yêu cầu Công ty phải ký kết hợp đồng lao động với người lao động.

Nên vào ngày 03/10/2017 ông ký hợp đồng lao động với ông M, theo hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ, với nội dung hợp đồng không thời hạn, công việc là làm bảo vệ tại Khu Công nghiệp T, với mức lương chính là 5.000.000 đồng/tháng, được trả lương vào ngày 01 Đến ngày 06 hàng tháng.

Trong tổ bảo vệ, do ông điều Đến làm bảo vệ công trình khu công nghiệp T, gồm 03 người: ông M, ông Nguyễn Văn S và Trần Văn Đ; ông M thì trực vào ban đêm, từ 05 giờ chiều Đến 05 giờ sáng, còn ông Đ và ông S thì trực 1 ngày 24 giờ xen kẽ, ngày trực ngày nghỉ.

Khi vào làm ông có trang bị cho mỗi người bảo vệ 01 bộ đồ bảo vệ gồm: quần, áo

và mũ, giày, đèn pin, khi giao thì không làm giấy tờ giao nhận, thời điểm tháng đầu khi nhận ông M vào làm, chúng tôi đã thống nhất tạm giữ lại 1.000.000đ gọi là tiền thế chân trang phục, việc tạm giữ tiền thế chân không có làm giấy tờ gì cả, áp dụng cho tất cả các bảo vệ.

Việc trả lương cho bảo vệ, do tin tưởng nhau, nên ông không lập bảng lương và cũng không có ký nhận tiền lương, hàng tháng vào khoảng từ ngày 01 Đến ngày 06 ông cho tiền vào phong bì và trực tiếp đưa cho từng bảo vệ, nhưng có sự kiểm tra giám sát của ông Mai Trường G là Chỉ huy trưởng Công trình. Ông đã trả lương cho tổ bảo vệ trong đó có ông M Đến tháng 3/2018.

Đến ngày 10/4/2018 thì ông M báo ông xin nghỉ 15 ngày, để ông về quê ở Quảng Ngãi làm mả (lúc này là tháng thanh minh), vì không thể thiếu người bảo vệ theo hợp đồng với Khu Công nghiệp T, nên ông yêu cầu ông M đem trang phục trả lại cho ông và thanh lý hợp đồng, nhưng ông M không trả lại đồ cho ông.

Ngay sau đó ông đã hợp đồng với ông Trần Văn Thái làm bảo vệ thay cho ông M.

Nay ông xác nhận, ông còn nợ của ông M 07 ngày lương sau (từ 04/3/2018 Đến 10/3/2018) là 1.166.000đ, ngoài ra ông có tạm giữ tiền của ông M 1.000.000đ gọi là tiền thế chân trang phục. Khi nào ông M trả trang phục lại cho ông, ông sẽ trả cho ông M 2.166.000đ, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

- Người làm chứng ông Mai Trường G trình bày:

Vào năm 2017, Công ty ông có hợp đồng với Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T do ông Châu Minh T làm giám đốc, thuê bảo vệ công trình tại khu Công nghiệp T.

Trong tổ bảo vệ do ông T điều Đến, ông T phân công việc nhưng theo sự chỉ đạo quản lý của ông, gồm 03 người: ông Nguyễn M, ông Trần Văn Đ và ông Nguyễn Văn S, anh S và ông Đ trước đó làm cho Công ty Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Thuận, sau này về làm cho ông T, nhiệm vụ của ông M là trực ban đêm từ 6 giờ tối Đến 6 giờ sáng hàng ngày kể cả thứ bảy thứ nhật và những ngày nghỉ lễ, còn ông Đ và ông S trực 1 ngày nghỉ 1 ngày (1 ngày 24 giờ) xen kẽ nhau.

Việc giữa ông Châu Minh T và bảo vệ hợp đồng lao động như thế nào thì ông không quan T, nhưng hàng tháng sau khi ông chuyển tiền trả cho Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T, với trách nhiệm của người chỉ huy, giám sát công trình, ông đều kiểm tra xem ông T có trả tiền lương cho anh em bảo vệ hay chưa, bằng cách ông hỏi thăm các anh em bảo vệ đã nhận lương chưa, tháng nào cũng được các anh em bảo vệ nói là đã nhận lương đầy đủ, không có tháng nào mà ông nghe ông M phản ánh nói là ông T chưa trả tiền lương cho ông M.

Đến tháng 4/2018 lúc này là tiết Thanh Minh, ông M xin ông T đi về quê ông ở Quảng Ngãi để làm mả, do không có người trực, nên ông T hợp đồng với ông Trần Văn Thái làm bảo vệ thay cho ông M Đến nay, khi ông M trở về, vợ ông M có xin ông T làm lại, nhưng ông T không chấp nhận, có lẽ là mâu thuẫn từ đó nên ông M đi kiện ông T.

Trước khi đi Quảng Ngãi 1 ngày, ông M có Đến khu công nghiệp chơi, ông có hỏi ông M có làm nữa không, thì ông M nói là do không có thời gian đi chơi, nên ông xin nghỉ luôn và ông M có nói là ông T còn nợ ông 7 ngày lương cuối, ông chưa trả quần áo bảo vệ lại cho ông T. lúc đó ông M có mua 1 con vịt và rượu, tổ chức nhậu chia tay với anh em, ông cũng không nghe ông M nói là ông T còn nợ 05 tháng tiền lương của ông M, sau khi ông M đi Quảng Ngãi về ông M có trở lại công trường và trả nợ cho ông T và ông Thịnh (ông Thịnh cũng làm tại khu công nghiệp T), ông cũng không nghe ông M nói là ông T còn nợ tiền lương của ông.

- Ông Phạm Kim T trình bày:

Trong suốt thời gian ông M làm bảo vệ tại công trình Khu công nghiệp T, ông không nghe ông M phản ánh hoặc nói với ông là ông T chưa trả tiền lương cho ông M,

nhưng trước khi ông M nghỉ việc khoảng vài ngày, ông M có nói là ông T còn nợ ông hai mươi mấy triệu tiền thuê công trồng cây cho ông T, sau khi ông M đi Quảng Ngãi về, lúc này ông T đã cho ông M đã nghỉ việc, ông T đã hợp đồng với ông Trần Văn Thái làm thay cho ông M, thì ông M có nói với ông là ông T còn nợ ông M 7 ngày lương cuối, ông có nói lại là “anh đem quần áo bảo vệ trả lại cho ông T, thì anh T trả lương còn nợ lương cho anh, ông M nói lại là quần áo đã rách rồi, nên không còn để trả lại cho ông T”.

- Ông Nguyễn Văn S, Trần Văn Đ và ông Đỗ Minh P trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông S và ông Đ đều xác nhận, trong suốt thời gian làm bảo vệ tại công trình chung với ông M, hàng tháng họ đều được ông T trả tiền lương đầy đủ đúng thời gian thỏa thuận, việc trả tiền lương bằng hình thức ông T cho tiền vào phong bì và giao cho từng người, chứ không có ký bảng lương hoặc ký giấy tờ gì nhận tiền cả. Ông S, ông Đ và ông P họ đều xác định trong suốt thời gian ông M làm bảo vệ tại công trình, khu công nghiệp T, họ không hề nghe ông M nói là ông T chưa trả hoặc chậm trả tiền lương hàng tháng cho ông cả.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15, Điều 49; Điều 95; Điều 96; Điều 110 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M

- Buộc ông Châu Minh T thanh toán tiền lương trong 7 ngày ông M làm việc từ ngày 03/4/2018 đến ngày 10/4/2018 cho ông Nguyễn M với số tiền lương là 1.166.000 đồng,

- Về án phí: Ông M là người lao động khởi kiện đòi tiền lương thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí lao động sơ thẩm. Ông Châu Minh T phải nộp án phí lao động sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Tại phiên tòa hôm nay ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Châu Minh T - Giám đốc Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T, phải có nghĩa vụ trả cho ông toàn bộ số tiền lương còn nợ là 23.166.000 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn và lời thừa nhận của bị đơn, chứng tỏ rằng đây là vụ kiện “Tranh chấp tiền lương theo hợp đồng lao động”. Bị đơn cư trú tại địa bàn xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Bình Thuận, theo khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào Đơn khởi kiện tại tòa án, thì ông M đứng đơn khởi kiện đối với ông T - Giám đốc Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T, nên xác định ông M là nguyên đơn và ông T là bị đơn trong vụ kiện theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ kiện này phía nguyên đơn còn cung cấp người biết sự việc có liên quan Đến

nội dung vụ kiện là ông Phạm Kim T, phía bị đơn cung cấp người biết sự việc có liên quan Đến nội dung vụ kiện là Mai Trường G, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn S, Đỗ Minh P, nên xác định ông T, ông G, ông Đ, ông S và ông P là người làm chứng trong vụ kiện theo quy định tại Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ kiện và chứng cứ chứng minh:

Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn ông M cho rằng:

Ngày 13/6/2017 ông Châu Minh T nhận ông vào làm bảo vệ cho Khu công nghiệp T, với mức lương 5.000.000 đồng/tháng, lúc này chỉ thỏa thuận bằng miệng chứ không có ký kết hợp đồng lao động.

Đến ngày 03/10/2017 thì ông T và ông mới ký kết hợp đồng lao động số 01/HĐLD, với nội dung, hợp đồng không ghi thời hạn, công việc là làm bảo vệ tại công trình tại Khu công nghiệp T, với mức lương chính là 5.000.000 đồng/tháng, được trả lương vào ngày 01 Đến ngày 06 hàng tháng.

Ông T có trang bị cho ông 01 bộ đồ bảo vệ gồm: quần áo và mũ, khi giao thì không làm giấy tờ giao nhận.

Trong suốt thời gian ông làm bảo vệ, thời gian trước khi ký hợp đồng, ông T trả lương cho ông đầy đủ đúng thời gian, việc trả và nhận tiền lương do tin tưởng nhau nên không có ký bản lương hoặc giấy tờ gì khi giao nhận tiền, nhưng kể từ khi ký hợp đồng, ông T không thực hiện việc trả lương tháng cho ông theo thời gian đã định trong hợp đồng. Ông đã nhiều lần gặp ông T yêu cầu thanh toán tiền lương, nhưng ông T tìm mọi lý do để hứa hẹn.

Ngày 16/02/2018 ông đến nhà ông T, ông T tạm trả cho ông 3.000.000đ, nói vì ông phải đi Bình Định gấp để lo đám tang cho mẹ vợ ông, khi trả tiền cho ông không có làm giấy tờ gì giao nhận tiền.

Ngày 28/3/2018 ông yêu cầu ông T phải thanh toán toàn bộ số tiền lương cho ông, nhưng ông T không thanh toán, nên ông báo với ông T, nếu ông không thanh toán tiền lương thì Đến ngày 10/4/2018 ông nghỉ việc.

Ngày 04/4/2018 ông gặp ông T yêu cầu ông T thanh toán tiền lương cho ông, ông T nói “ anh cứ đem quần áo mũ Đến đây tôi giải quyết cho”

Ngày 11/4/2018 ông đem toàn bộ quần áo mũ đến nhà trả lại cho ông T, khi ông nhận thì không có làm biên bản giao nhận, nên khi trả thì cũng không làm giấy tờ gì trả lại, sau khi nhận trang phục xong ông T, gọi điện thoại xong và nói giám đốc Công ty khu công nghiệp đã đi Campuchia, khi nào về ông lấy tiền để thanh toán lương cho ông, nhưng kể từ đó đến nay ông T vẫn không trả tiền lương cho ông.

Như vậy tổng số tiền lương của ông Châu Minh T, giám đốc công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T còn nợ của ông là 05 tháng 07 ngày (từ 03/10/2017 Đến 10/4/2018) (25.000.000đ + 1.166.000đ = 26.166.000đồng) được trừ 3.000.000 đồng trả trước, còn lại 23.166.000 đồng.

Nay ông, yêu cầu ông Châu Minh T - Giám đốc Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T, phải có nghĩa vụ trả cho ông toàn bộ số tiền lương còn nợ là 23.166.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Phía bị đơn ông Châu Minh T khai rằng: Vào năm 2017 ông có nhận ông Nguyễn M vào làm bảo vệ cho Khu công nghiệp T, với mức lương 5.000.000 đồng/tháng, lúc này không có ký kết hợp đồng lao động. Ông M làm được khoảng 05,06 tháng thì Phòng Lao động - Thương binh xã hội và Bảo hiểm xã hội huyện T, có thông báo yêu cầu các Công ty phải ký kết hợp đồng lao động với người lao động.

Nên vào ngày 03/10/2017 ông ký hợp đồng lao động với ông M, theo hợp đồng lao

động số 01/HĐLĐ, với nội dung hợp đồng không thời hạn, công việc là làm bảo vệ tại Khu Công nghiệp T, với mức lương chính là 5.000.000 đồng/tháng, được trả lương vào ngày 01 Đến ngày 06 hàng tháng.

Trong tổ bảo vệ, do ông điều đến làm bảo vệ Công trình khu công nghiệp T, gồm 03 người: ông M, ông Nguyễn Văn S và Trần Văn Đ; ông M thì trực vào ban đêm, từ 05 giờ chiều Đến 05 giờ sáng, còn ông Đ và ông S thì trực 1 ngày 24 giờ xen kẽ, ngày trực ngày nghỉ.

Khi vào làm ông có trang bị cho mỗi người bảo vệ 01 bộ đồ bảo vệ gồm: quần, áo, mũ, giày và đèn pin, khi giao thì không làm giấy tờ giao nhận, thời điểm tháng đầu khi nhận ông M vào làm, ông tạm giữ của ông M là 1.000.000đ gọi là tiền thế chân trang phục, việc tạm giữ tiền thế chân không có làm giấy tờ gì cả, áp dụng cho tất cả các bảo vệ.

Việc trả lương cho bảo vệ, do tin tưởng nhau, nên ông không lập bảng lương và cũng không có ký giấy nhận tiền lương, hàng tháng vào khoảng từ ngày 01 đến ngày 06 ông cho tiền vào phong bì và trực tiếp đưa cho từng bảo vệ, nhưng có sự kiểm tra giám sát của ông Mai TrườngG là Chỉ huy trưởng Công trình.

Ông đã trả lương cho tổ bảo vệ trong đó có ông M đến tháng 3/2018.

Đến ngày 10/4/2018 thì ông M báo ông xin nghỉ 15 ngày, để ông về quê ở Quảng Ngãi làm mả (lúc này là tháng thanh minh), vì không thể thiếu người bảo vệ theo hợp đồng với Khu Công nghiệp T, nên ông yêu cầu ông M đem trang phục trả lại cho ông và thanh lý hợp đồng, nhưng ông M không trả lại đồ cho ông.

Ngay sau đó ông đã hợp đồng với ông Trần Văn Thái làm bảo vệ thay cho ông M.

Tại tòa hôm nay ông xác nhận, ông còn nợ của ông M 07 ngày lương sau (từ 04/4/2018 Đến 10/4/2018) là 1.166.000đ, ngoài ra ông có tạm giữ của ông M 1.000.000đồng gọi là tiền thế chân trang phục. Khi nào ông M trả trang phục lại cho ông, ông sẽ trả cho ông M 2.166.000 đồng,

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều thống nhất vào năm 2017 ông Châu Minh T - Giám đốc Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T, có nhận ông M vào làm bảo vệ cho Khu công nghiệp T, với mức lương 5.000.000đồng/tháng, lúc này không có ký kết hợp đồng lao động, ông T đã trả đủ tiền lương hàng tháng cho ông M, bằng hình thức trả tiền nhưng không có lập bảng lương hoặc ký giấy tờ gì nhận tiền.

Đến 03/10/2017 ông T mới ký đồng lao động số 01/HĐLĐ ông M làm đến 10/4/2018 thì hai bên chấm dứt hợp đồng .

Vấn đề tranh chấp ở đây là ông M cho rằng, trong suốt thời gian làm việc kể từ khi có hợp đồng đến ngày ông nghỉ, thì ông T chưa trả tiền lương cho ông với thời gian là 05 tháng 07 ngày là 26.166.000đồng, ông T có trả trước cho ông 3.000.000 đồng, còn nợ lại 23.166.000 đồng.

Phía ông T không thừa nhận toàn bộ yêu cầu của ông M, ông cho rằng kể từ khi nhận ông M vào làm bảo vệ, ông đã trả đủ lương cho ông M, chỉ còn nợ 7 ngày lương sau là 1.166.000đ, vì chưa đến ngày trả lương mà ông M nghỉ đột xuất, ngoài ra ông có tạm giữ của ông M 1.000.000đồng, gọi là tiền thế chân trang phục, lý do ông không trả là vì ông M chưa trả lại trang phục bảo vệ lại cho ông. Ông T không có bảng lương hoặc giấy tờ gì thể hiện ông M đã nhận lương hàng tháng theo hợp đồng.

Để chứng minh cho lời khai của mình là có cơ sở, ông T cung cấp những người làm chứng, biết sự việc có liên quan đến nội dung vụ kiện là Mai TrườngG, là chỉ huy trưởng công trình, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn S là người cùng tổ bảo vệ với ông M và Đỗ Minh P lái xe cho công trình, những người này thường xuyên tiếp cận với ông M trong thời gian làm việc tại đây.

Xét về lời khai những người làm chứng, như ông S và ông Đ cùng chung trong tổ bảo vệ với ông M, họ đều xác nhận trong suốt thời gian làm bảo vệ tại công trình chung với ông M, hàng tháng họ đều được ông T trả tiền lương đầy đủ đúng thời gian thỏa thuận, việc trả tiền lương bằng hình thức ông T cho tiền vào phong bì và giao cho từng người, chứ không có ký bảng lương hoặc ký giấy tờ gì nhận tiền cả.

Và lời khai của những người làm chứng phía ông T cung cấp như ông G và ông P, cũng như lời khai người làm chứng phía ông M cung cấp như ông T, họ đều xác định trong suốt thời gian ông M làm bảo vệ tại công trình, khu công nghiệp T, họ không hề nghe ông M nói là ông T chưa trả hoặc chậm trả tiền lương hàng tháng cho ông cả.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông M khai rằng trong suốt thời gian làm bảo vệ, kể từ khi có hợp đồng đến ngày ông nghỉ, thì ông T chưa trả tiền lương cho ông với thời gian từ 03/10/2017 Đến 10/4/2018 là 05 tháng 07 ngày, với số tiền lương 26.166.000đồng, ông Tân có trả trước cho ông 3.000.000đồng, còn nợ lại 23.166.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mà chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi tiền lương, mà ông T thừa nhận là 07 ngày (từ ngày 04/4/2018 Đến ngày 10/4/2018) với số tiền 1.166.000đồng.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T có yêu cầu phản tố là yêu cầu ông M phải trả cho ông 01 bộ đồ trang phục bảo vệ gồm: quần, áo, mũ, giày, đèn pin tương ứng với giá trị là 1.000.000 đồng mà ông tạm giữ của ông M. Ngày 27/02/2019 Tòa án đã giao cho ông T nhận thông báo nộp tạm ứng án phí, đề Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn trong cùng 01 vụ án, tuy nhiên ông T không nộp tạm ứng án phí theo thông báo, do đó yêu cầu của ông T không được thụ lý để giải quyết trong vụ án này. Nếu ông T có yêu cầu thì được quyền khởi kiện để Tòa án thụ lý giải quyết T vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông M được miễn nộp tạm ứng án phí và miễn đóng án phí theo luật định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Ông T phải nộp án phí lao động sơ thẩm theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 15, Điều 49; Điều 95; Điều 96; Điều 110; Điều 194, Điều 200 Bộ luật lao động năm 2012.

2. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M “Tranh chấp tiền lương theo hợp đồng lao động” đối với ông Châu Minh T - Giám đốc Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T, buộc ông Châu Minh T - Giám đốc Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn M số tiền lương là **1.166.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng)**

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M “Tranh chấp tiền lương theo hợp đồng lao động” đối với ông Châu Minh T - Giám đốc Công ty TNHH Bảo vệ - Vệ sỹ Bình Võ T với số tiền lương là 22.000.000đồng (23.166.000đ-1.166.000đ).

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, ông T phải có trách nhiệm trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

- Ông M được miễn nộp tạm ứng án phí và miễn đóng án phí lao động sơ thẩm theo luật định.

- Ông T phải nộp 300.000đồng án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đường sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch